

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 1806/SKHCN-VP ngày 24/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 28 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, 36 (TTHC) được sửa đổi, bổ sung và 15 TTHC được bãi bỏ thuộc các lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ, Sở hữu trí tuệ, An toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh căn cứ các TTHC ban hành kèm theo Quyết định này trong thời hạn 20 ngày làm việc xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

- Thay thế Danh mục các TTHC có số thứ tự 01, 002, 03 Mục IV, Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ Danh mục các

thủ tục hành chính có số thứ tự: 24, 27, 29, 30 Mục I, Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc Danh mục TTHC được sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Thay thế Danh mục các TTHC có số thứ tự: 01 đến 12 và 14 đến 19 Mục II, Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ và số thứ tự 01, 02 lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ Danh mục các thủ tục hành chính có số thứ tự 13 Mục II, Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ và số 04, 05, 07, 08 Mục III, lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc Danh mục TTHC được sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 02/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thay thế Danh mục các TTHC có số thứ tự: 01, lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc Danh mục TTHC được ban hành mới ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 22/02/2026.

- Thay thế Danh mục các TTHC có số thứ tự 3 Mục I, lĩnh vực Hoạt động Khoa học và công nghệ thuộc Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ Danh mục các TTHC có số thứ tự 01, 02, 04, 05, 06, 07 Mục I, lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thay thế Danh mục các TTHC có số thứ tự 10, 11, Mục I, Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc Danh mục TTHC được ban hành mới ban hành kèm theo Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thay thế Danh mục các TTHC có số thứ tự 01, 02 Mục I, Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc Danh mục TTHC được ban hành mới ban hành kèm theo Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thay thế Danh mục các TTHC có số thứ tự: 01, 02, 03, 04, 05, 06 Mục I, Danh mục TTHC mới ban hành Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân; TTHC có số thứ tự 1, Mục I, Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định 180/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và CN;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh (HHC);
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, HCC2.

Chovan

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Báu Hà

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC Một phần	DVC Toàn trình
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ							
1		Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù	* Trường hợp 1: Không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế: 43 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ * Trường hợp 2: Cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế: 78 ngày làm việc.	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh); - Nộp trực tiếp tại Trung tâm	Không quy định	- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2014; - Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2015; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi	X	

				Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh để thực hiện TTHC phi địa giới hành chính; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 11/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù, Nhà nước mua và phổ biến công nghệ. - Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
2		Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra	37 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên	X	

		tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo						
3		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên	X	
4		Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên		
5		Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên	X	
6		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên		

7		Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên	X	
8		Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên	X	
9	1.014386	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh); - Nộp trực tiếp tại Trung tâm	Không	Như trên		X

				Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh để thực hiện TTHC phi địa giới hành chính; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn				
II LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ								
1		Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp	-10 ngày để ra thông báo thụ lý hoặc không thụ lý hồ sơ kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; - 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp có ý kiến; - 30 ngày kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức	Như trên	Không quy định	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009; Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022; Luật số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025; Luật số 131/2025/QH15 10/12/2025;		x

			tạp thì thời hạn này là 45 ngày (đối với khiếu nại lần thứ nhất); - 45 ngày kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn này là 60 ngày (đối với khiếu nại lần thứ hai). Thời gian để người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp ý kiến, thông tin, tài liệu và chứng cứ về nội dung khiếu nại, thời gian giám định (nếu có), thời gian người khiếu nại sửa đổi, bổ sung hồ sơ khiếu nại không tính vào thời hạn giải quyết khiếu nại.		- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; - Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật		
--	--	--	--	--	---	--	--

						Sở hữu trí tuệ, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. - Quyết định số 2113/QĐ-BKHCN ngày 14/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
III	LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN							

1	1.014657	Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu khai báo	Như trên	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27/6/2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa	x	
---	----------	--	--	----------	-------	---	---	--

						học và Công nghệ. - Quyết định số 2607/QĐ-BKHCN ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
2	1.014642	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác.	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	1. Phí thẩm định cấp giấy phép: + Sử dụng thiết bị phát tia X chụp ảnh bức xạ công nghiệp: 5.000.000/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị đo hạt nhân: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị phát neutron,	Như trên	X	

					electron và hạt mang điện khác: Chưa có quy định Trường hợp sử dụng nhiều nguồn phóng xạ trong 1 thiết bị áp dụng mức phí như đối với cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng nguồn phóng xạ. Trường hợp nộp hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy			
--	--	--	--	--	---	--	--	--

					định được nêu ở trên. 2. Lệ phí cấp giấy phép: Không.			
3	1.014645	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	1. Phí thẩm định cấp giấy phép thay đổi quy mô, phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ: + Cơ sở sản xuất, chế biến chất phóng xạ: 25.000.000 đồng/1 cơ sở. + Cơ sở xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ có hoạt độ lớn hơn 10.000 lần mức miễn trừ: 25.000.000 đồng/1 cơ sở. + Kho lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia: 40.000.000	Như trên	X	

					đồng/1 cơ sở. + Cơ sở bức xạ khác: 15.000.000 đồng/1 cơ sở. + Cơ sở vận hành máy gia tốc, cơ sở vận hành thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ: Chưa có quy định. + Cơ sở xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, chôn cất chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng: Chưa có quy định. + Địa điểm lưu giữ, xử lý, chôn cất chất thải phóng xạ,			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

					nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng cấp quốc gia, cấp tỉnh: Chưa có quy định. Trường hợp nộp hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí cấp giấy phép: Không.			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

4		Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí thẩm định an toàn: 75% mức thu phí thẩm định cấp phép lần đầu. Trường hợp nộp hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí gia hạn giấy phép: Không.	Như trên		
5		Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên	X	

		phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.						
6		Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên		
7	1.014648	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	1. Phí thẩm định cấp giấy phép: + Cơ sở sản xuất, chế biến chất phóng xạ:	Như trên	x	

					40.000.000 đồng/1 cơ sở; + Cơ sở chiếu xạ công nghiệp sử dụng nguồn phóng xạ (Cơ sở chiếu xạ khử trùng, chiếu xạ xử lý vật liệu,...): Chưa có quy định. + Cơ sở bức xạ khác có tạo ra chất thải phóng xạ trong quá trình tiến hành công việc bức xạ: Chưa có quy định. Trường hợp nộp hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được			
--	--	--	--	--	---	--	--	--

					áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ: Không.			
8		Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	1. Phí thẩm định gia hạn giấy đăng ký hoạt động dịch vụ: 75% mức phí cấp giấy đăng ký mới. Lệ phí cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử: Không.	Như trên	X	

9		Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên	X	
10	1.014656	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị Xquang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ. Trường hợp nộp hồ sơ cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được	Như trên	X	

		chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).			áp dụng mức thu lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí theo quy định được nêu ở trên.			
11	1.014660	Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Chưa có quy định	Như trên	X	
12	1.014661	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Phí thẩm định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở: + Thẩm định đề phê duyệt đối với Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở thuộc nhóm nguy cơ I, II và III và Cơ sở tiến hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ trong chụp ảnh phóng xạ công	Như trên	X	

					nghiệp: 5.000.000 đồng/1 bản kế hoạch. + Thẩm định để phê duyệt đối với Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở thuộc nhóm nguy cơ IV - Cơ sở tiến hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ thuộc nhóm 2 (trừ nguồn phóng xạ trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp), nhóm 3, nhóm 4 theo quy định tại QCVN 6: 2010/BKHCN, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp và các máy gia			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

					tốc: 2.000.000 đồng/1 bản kế hoạch. + Thẩm định để phê duyệt đối với Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở thuộc nhóm nguy cơ IV - Cơ sở tiến hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ thuộc nhóm 5 theo quy định tại QCVN 6:2010/BKHC N, thiết bị phát tia X quang chẩn đoán y tế và thiết bị phát tia X khác: 500.000 đồng/1 bản kế hoạch. Trưởng hợp nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt			
--	--	--	--	--	---	--	--	--

					Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố: Không.			
13	1.014662	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử: 200.000 đồng/1 chứng chỉ. Trường hợp nộp hồ sơ đề	Như trên	X	

					nghị cấp chứng chỉ hành nghề hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí theo quy định được nêu ở trên.			
14	1.014665	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ.	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	. Phí thẩm định để cấp giấy Đăng ký hoạt động dịch vụ: 7.000.000 đồng/1 dịch vụ. Trường hợp nộp hồ sơ cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng	Như trên	X	

					lượng nguyên tử từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí cấp giấy đăng ký: Không.		
15	1.014666	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ.	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	1. Phí thẩm định để cấp giấy Đăng ký hoạt động dịch vụ: 7.000.000 đồng/1 dịch vụ. Trường hợp nộp hồ sơ cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng	Như trên	x

					dụng năng lượng nguyên tử từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí cấp giấy đăng: Không.			
16	1.014667	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Phí thẩm định đề cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ: 7.000.000 đồng/1 dịch vụ. Trường hợp nộp hồ sơ cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng	Như trên		

					dụng năng lượng nguyên tử từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí cấp giấy đăng ký: Không.		
17	1.014671	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tây xá.	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Phí thẩm định đề cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ: 7.000.000 đồng/1 dịch vụ. Trường hợp nộp hồ sơ cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng	Như trên	X

					dụng năng lượng nguyên tử từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí cấp giấy đăng ký: Không		
18	1.014673	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ.	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí.	Như trên	1. Phí thẩm định để cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ: 7.000.000 đồng/1 dịch vụ. Trường hợp nộp hồ sơ cấp giấy đăng ký hoạt động dịch	Như trên	X

					vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên. 2. Lệ phí cấp giấy đăng ký: Không.			
--	--	--	--	--	---	--	--	--

B. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC Một phần	DVC Toàn trình
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ							
1	1.013918	Thủ tục chấp thuận chuyên giao công nghệ	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Thực hiện thông qua một trong các cách	Phí thẩm định: 10 triệu đồng	- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;		x

			thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh); - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh để thực hiện TTHC phi địa giới hành chính; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng	
--	--	--	--	---	--

						nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện. - Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
2	1.013927	Thủ tục cấp Giấy phép chuyên giao công nghệ.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Như trên	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyên giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển	Như trên		X

					giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.			
3	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	Như trên		X
4	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng	Như trên		X

		đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ).			ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.			
5	1.014445	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh		x

				chính công cấp tỉnh. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh để thực hiện TTHC phi địa giới hành chính.		ngiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. - Quyết định số 3578/QĐ- BKH-CN ngày 07/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố TTHC mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực Khoa học Công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.		
--	--	--	--	---	--	--	--	--

6	1.014446	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên		X
7	1.014388	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không.	Như trên		X
8	1.014389	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không.	Như trên		X
9	1.014390	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không.	Như trên		X
II LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ								
1	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2011 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật năm 2025.	X	

				tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh); - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh để thực hiện TTHC phi địa giới hành chính; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn	nghiệp: 250.000 đồng	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Quyết định số 2075/QĐ-SKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý		
--	--	--	--	--	-----------------------------	---	--	--

						của Bộ Khoa học và Công nghệ		
2	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng	Như trên	x	
3	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên	x	
4	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí	Như trên	x	

					nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 200.000 đồng/đơn)			
5	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn:	Như trên	x	

					150.000 đồng/đơn). - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 200.000 đồng/đơn)			
6	1.013922	Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- 30 ngày (Trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Như trên	Chưa có	Như trên	x	

			của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề); - 60 ngày (Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp).					
7	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ	Như trên	x	

					- Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn)			
8	1.013925	Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên	x	
9	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ; - Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công	Như trên	x	

					nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).			
10	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí công bố Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp	Như trên		x

					đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ			
11	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ; - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại	Như trên		x

					diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí công bố Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).			
12	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ; - Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công	Như trên	x	

					nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ			
13	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đ	Như trên		x
14	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng	Như trên		x
15	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên		x
16	1.013966	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	Như trên		x

		dụng đối tượng sở hữu công nghiệp						
17	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Như trên	- Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bản; - Lệ phí cấp GCN ĐKHD: 60.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 120.000 đồng/đơn); Trường hợp thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VneID thì được miễn lệ phí cấp GCN ĐKHD từ ngày 01/4/2026 đến 31/12/2026 - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản;- - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	Như trên		x

18	1.013970	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Như trên	- Phí thẩm định hồ sơ: 160.000 đồng/văn bằng - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	Như trên		x
19	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	Như trên		x
20	1.013973	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	30 ngày kể từ ngày nhận đơn hợp lệ	Như trên	Không quy định	Như trên	x	

21	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên		x
III LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN								
1		Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu khai báo	Như trên	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh về việc	x	

						phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. - Quyết định số 248/QĐ-BKHCN ngày 12/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
2	1.014675	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị	- 15 ngày làm việc đối với sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT). - 25 ngày làm việc đối với sử dụng thiết bị	Như trên	1. Phí thẩm định cấp giấy phép: + Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000	Như trên	x	

		chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).		đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/ 1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị đo hạt nhân:			
--	--	---------------------------------	--	--	---	--	--	--

					4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị phân tích huỳnh quang tia X: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị đo sắc ký khí: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị khử tĩnh điện: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong soi kiểm tra bo mạch: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong kiểm tra an ninh: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng phổ kế Mossbauer:			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

					4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị SPECT (SPECT/CT): Chưa có quy định. <i>Trường hợp nộp hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên (*).</i> 2. Lệ phí cấp phép: Không			
3	1.014679	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi	- 18 ngày làm việc đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh	Như trên	1. Phí thẩm định gia hạn giấy phép: 75% mức thu phí thẩm định cấp giấy phép lần đầu.	Như trên	X	

		tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	phóng xạ công nghiệp). - 15 ngày làm việc đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT).		<i>Trường hợp nộp hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng mức thu phí bằng 50% mức thu phí theo quy định được nêu ở trên (*)</i> . 2. Lệ phí cấp giấy phép: Không			
4		Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên	X	

		chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).						
5		Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên	X	
6	1.014678	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí theo quy định.	Như trên	Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ. <i>Trường hợp nộp hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026 trên ứng dụng VNeID được áp dụng</i>	Như trên		X

		dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)).			<i>mức thu lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí theo quy định được nêu ở trên (*)</i> .			
--	--	---	--	--	---	--	--	--

C. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
1	1.013931	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyên giao công nghệ. - Quyết định số 2080/QĐ-BKH-CN ngày 09/4/2026 về về Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	1.013933	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Như trên
3	1.013936	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Như trên
4	1.013939	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Như trên

5	1.013940	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Như trên
6	1.013943	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Như trên
7	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	Như trên
8	1.002690	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	Như trên
9	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Như trên
10	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	Như trên
11	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Như trên
12	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Như trên
13	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Như trên

		nghe do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	
14	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân	Như trên
II	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ		
1	1.013963	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	- Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 2075/QĐ-SKHCHN ngày 09/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố TTHC mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ